

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						412 688	128 030	272 100			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						41 332	28 422	12 910			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>31 190</i>	<i>28 422</i>	<i>2 768</i>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	07/11	1370/11	30/11	QUANG VINH DIAMOND	CẨM 6A.1	23 000	22 954	46	12/11	HỘ LỎN	MỐN: 22.974,68
2		CATALAN	10/11	123/11	17/11	BN 1313	CỤC 5A.1	1 700	1 629	71	11/11	TD	
3		SÔNG HỒNG	11/11	52/11	18/11	TNG 0889	CỤC XỎ 1C	990	745	245	RÓT DỖ	TD	GIA HẠN L1
4		CHUYỂN TẢI ROYAL 88	10/11	223	21/11	CỬA ÔNG 05	CẨM 1	1 650	1 650		12/11		
5		CHUYỂN TẢI HẢI NAM 79	12/11	232/11		CẨM PHẢ 21	CẨM 6A.14	3 850	1 444	2 406	RÓT DỖ		
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<i>10 142</i>		<i>10 142</i>			
1		ĐAM HÀ BẮC	11/11	1384/11	26/11	QN 4320	CẨM 4A.1	1 700		1 700		HỘ LỎN	
2		ĐAM HÀ BẮC	11/11	1385/11	26/11	1 TĐ 12	CẨM 4A.1	2 392		2 392		HỘ LỎN	
3		CP VT&KD THAN	12/11	76/11	19/11	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		DVVT QN	09/11	120/11	15/11	BN 1135	CỤC XỎ 1C	910		910		TD	
5		CROMIT	11/11	132/11	18/11	BN 1826	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
6		ĐTTM&DV	11/11	130/11	15/11	HD 2225	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	
7		CP ĐTTM&DV	12/11	148/11	19/11	BN 1468	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	
8		CP ĐTTM&DV	12/11	150/11	19/11	BN 0718	CỤC XỎ 1C	1 070		1 070		TD	
		<u>Tàu chuyển tải</u>						<u>201 340</u>	<u>68 166</u>	<u>133 174</u>			
		<i>Tàu đang làm hàng</i>						<i>131 390</i>	<i>68 166</i>	<i>63 224</i>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	07/11	1373/11		PACIFIC 01	CẨM 6A.1	27 690	27 765	- 75	RÓT DỖ	HỘ LỎN	TTHG: 20.000 - KVCP: 7.690
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	07/11	1372/11		GOLDEN STAR	CẨM 6A.14	23 500	10 604	12 896	RÓT DỖ	HỘ LỎN	KDTCP: 10.000 - CLM: 10.000 - KVCP: 3.500
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	07/11	1374/11	22/11	HẢI NAM 79	CẨM 6A.14	27 400	23 552	3 848	RÓT DỖ	HỘ LỎN	TTCO: 23.551,64 - KVCP: 3.848
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	10/11	1381/11		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 6A.14	23 300	2 090	21 210	RÓT DỖ	HỘ LỎN	KDTCP: 8.000 - CLM: 10.000 - KVCP: 5.300
5		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	10/11	1379/11		VIỆT THUẬN 30-05	CẨM 6A.14	29 500	4 155	25 345	RÓT DỖ	HỘ LỎN	KDTCP: 10.000 - CLM: 10.000 - KVCP: 9.500
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						<i>69 950</i>		<i>69 950</i>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	07/11	1371/11		VIỆT THUẬN 235-07	CẨM 6A.10	23 050		23 050		HỘ LỎN	TTCO: 15.000 - CLM: 3.000 - KDTCP: 3.000 - KVCP: 5.300
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	10/11	1380/11		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CẨM 6A.1	23 300		23 300		HỘ LỎN	TTHG: 18.000 - KVCP: 5.300
3		ĐIỆN DUYỄN HẢI	11/11	1383/11		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 5B.14	23 600		23 600		HỘ LỎN	TTHG: 11.600 - KDTCP: 12.000
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						47 200	18 678	28 522			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>21 405</i>	<i>18 678</i>	<i>2 727</i>			
1		CROMIT CĐ	07/11	104	14/11	QUANG TRUNG 79	CẨM 8A	2 200	2 166	34	12/11	PT CB	ĐN - CS
2		NINH BÌNH	10/11	129	17/11	ND - 3546	CẨM 7B	1 590	1 588	2	12/11	PT CB	CAO SƠN

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3		CP SXTM THAN UÔNG BÍ	07/11	106	14/11	BN 1991	CÁM 7C	1 660	1 653	7	11/11	TD	ĐN - CS
4		CP VT THUỶ	10/11	127	17/11	BN - 2329	CÁM 8A	1 500	1 488	12	11/11	TD	ĐN - CS
5		CP DVVT QUẢNG NINH	01/11	1 065	07/11	BN - 1809	CỤC 1A	1 000	988	12	11/11	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
6		MIỀN NAM	10/11	1 158	17/11	AN VINH 18	CÁM 8A	1 900	1 896	4	12/11	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L2
7		HÀ BẮC	11/11	137	18/11	BN - 1828	CÁM 8A	1 970	1 954	16	12/11	TD	ĐN - CS
8		NINH BÌNH	11/11	135	18/11	BN - 2115	CÁM 8A	1 500	1 475	25	12/11	TD	CAO SƠN
9		NGHỆ TĨNH	12/11	141	22/11	VIỆT TRUNG 69	CÁM 7C	2 000	965	1 035	dở	TD	CAO SƠN
10		CP SXTM THAN UÔNG BÍ	11/11	136	18/11	HD - 9666	CÁM 7C	1 985	1 896	89	dở	TD	CAO SƠN
11		CP ĐTTM&DV	01/11	1 140	07/11	BN - 0979	CỤC 1B	1 100	900	200	dở	TD	CAO SƠN - GIA HẠN L1
12		XD CN MỎ	11/11	139	19/11	BN - 2386	CÁM 8A	1 550	1 001	549	dở	TD	ĐN - CS
13		HẢI PHÒNG	11/11	144	19/11	HP - 5902	CÁM 7B	1 450	706	744	dở	TD	CAO SƠN
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						25 795		25 795			
1		ĐẠM HÀ BẮC	12/11	1384/11	26/11	QN - 4320	CÁM 4A.1	1 700		1 700		HỘ LỎN	
2		ĐẠM HÀ BẮC	12/11	1385/11	26/11	1TD 12	CÁM 4A.1	2 392		2 392		HỘ LỎN	
3		COALIMEX	10/11	125	17/11	QN - 6190	CÁM 7A	1 030		1 030		PT CB	CAO SƠN
4		COALIMEX	12/11	140	19/11	QN - 8259	CÁM 7A	1 690		1 690		PT CB	ĐN - CS
5		CP VT&KD THAN	08/11	1025/10	14/11	BN - 2225	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L2
6		HÀ NỘI	10/11	1 189	17/11	BN - 2006	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L2
7		CP VT&KD THAN	10/11	42	17/11	BN - 0869	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
8		SÔNG HỒNG	10/11	47	17/11	BN - 0766	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
9		XD CN MỎ	10/11	51	17/11	BN - 1296	CỤC 1A	1 150		1 150		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
10		MIỀN TRUNG	12/11	73	19/11	AN THÀNH 18	CÁM 8A	2 400		2 400		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
11		CP DVVT QUẢNG NINH	06/11	89	13/11	BN - 2611	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	ĐN - CS
12		CP SXTM THAN UÔNG BÍ	06/11	98	13/11	BN - 2056	CỤC 1B	1 072		1 072		TD	ĐN - CS
13		CP DVVT QUẢNG NINH	10/11	124	17/11	HD 1991	CÁM 8A	1 800		1 800		TD	CAO SƠN
14		CP DVVT QUẢNG NINH	10/11	128	17/11	BN - 2339	CÁM 7C	1 900		1 900		TD	CAO SƠN
15		CP ĐTTM&DV	11/11	134	18/11	HD - 2099	CÁM 7C	1 975		1 975		TD	CAO SƠN
16		CTY TNHH TRƯỜNG ANH 888	12/11	145	19/11	HD - 2299	CÁM 7C	1 976		1 976		TD	CAO SƠN
17		CTY TNHH TRƯỜNG ANH 888	12/11	149	19/11	BN - 2203	CÁM 8A	1 560		1 560		TD	CAO SƠN
III		KHO BẢO NGUYỄN						2 400	2 397	3			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						2 400	2 397	3			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	08/11	1378/11	23/11	QN 1043	CÁM 5B.10	2 400	2 397	3	11/11	HỘ LỎN	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2025

[illegible]